

Số: 804/TTr-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15, Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập về nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo trình tự, thủ tục rút gọn với tiến độ trình tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng thể chế, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn do quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, đẩy mạnh và đa dạng hoá nguồn vốn cho kinh tế tư nhân là “Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo;...”.

- Khoản 3.2 Điều 3 Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 quy định nhiệm vụ và giải pháp là “...chủ động nghiên cứu tình hình để kịp thời tham mưu xây dựng chính sách, đặc biệt là cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, tạo dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, phi truyền thống (trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển

đổi xanh, khai thác nguồn lực dữ liệu...); Hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững các loại thị trường (tài chính, chứng khoán, khoa học, công nghệ, lao động, bất động sản,...). Kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh; không để phát sinh mới thủ tục, quy định kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật không phù hợp, thiếu tính khả thi. Năm 2026, cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng;...; cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024.”

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” đã xác định nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, trong đó bao gồm “Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng” bằng việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

- Điều d khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu (trong đó có Luật Kế toán và Luật Kiểm toán độc lập được đề xuất sửa đổi, bổ sung) quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm “*d) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, cá nhân có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027*” (Nghị quyết số 66.7).

- Điều 17 Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh (trong đó có Luật Kế toán được đề xuất sửa đổi, bổ sung) quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm “*Trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.*” (Nghị quyết số 66.16).

- Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ cắt giảm, sửa đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã đưa “*kinh doanh dịch vụ kế toán*” ra khỏi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Nghị quyết số 66.17).

- Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh (trong đó có Luật Kế toán được đề xuất sửa đổi, bổ sung) quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm: *“Tham mưu cho Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này để phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”* (Nghị quyết số 66.18).

Căn cứ các quy định nêu trên, việc Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập nội dung về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh với hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 3 năm 2027 là thực sự cần thiết và có đủ cơ sở chính trị, pháp lý để thực hiện.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Kế toán được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Luật Kiểm toán độc lập được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Cùng với các văn bản hướng dẫn Luật Kế toán và Luật Kiểm toán độc lập, pháp luật về kế toán, kiểm toán đã tạo khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, thể chế hóa kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán.

Trong quá trình hoàn thiện thể chế pháp luật trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, trên cơ sở các đề xuất, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Ngoài ra, Luật Kiểm toán độc lập còn được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 (đã được thay thế bởi Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 ngày 10/12/2025) đã bổ sung thêm Điều 70a vào Luật Kế toán.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về hoàn thiện quy định của pháp luật để xử lý các khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.17 và

ngày 24/8/2026, Quốc hội đã thông qua Luật số 24/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, trong đó đã đưa “*kinh doanh dịch vụ kế toán*” ra khỏi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66.18 để cắt giảm toàn bộ điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực dịch vụ kế toán. Hiệu lực thi hành các Nghị quyết số 66.17 và Nghị quyết số 66.18 kể từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 28/02/2027. Trong thời gian từ khi các Nghị quyết này có hiệu lực đến nay, Chính phủ chưa nhận được ý kiến phản hồi các vướng mắc phát sinh trong quá trình áp dụng vào thực tiễn cũng như thời gian từ khi ban hành Nghị quyết đến nay ngắn nên Chính phủ sẽ tiếp tục nghiên cứu, rà soát, cập nhật các thông tin để báo cáo Quốc hội.

Đối với dịch vụ kiểm toán, Nghị quyết số 66.7 cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026, đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi nộp hồ sơ đăng ký hành nghề dịch vụ kiểm toán và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán. Thời gian từ khi Nghị quyết này có hiệu lực đến nay, Chính phủ chưa nhận được các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Để đảm bảo tính ổn định và lâu dài, sự đồng bộ và thống nhất của pháp luật, việc Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập phù hợp với các Nghị quyết nêu trên là cần thiết. Trong quá trình tổng hợp ý kiến của các đơn vị về dự án Luật, có ý kiến đề nghị rà soát tổng thể Luật Kế toán năm 2015, Luật Kiểm toán độc lập năm 2011 và cũng có ý kiến đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung thêm những nội dung mà dự thảo Luật chưa đề cập ngoài nội dung về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính. Tuy nhiên, do phạm vi sửa đổi, bổ sung của dự thảo Luật lần này chỉ tập trung vào chuyên đề liên quan đến cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, dịch vụ kiểm toán để đáp ứng chủ trương và yêu cầu tại các Nghị quyết nêu trên của Đảng, Quốc hội và Chính phủ. Đồng thời, theo Kết luận số 09-KL/TW ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Bộ Chính trị là “*Không ban hành một văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác khi các văn bản đó không có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung hoặc không cùng điều chỉnh một nhóm lĩnh vực*”. Ngoài ra, một số nội dung vướng mắc có tính cấp bách phát sinh từ thực tiễn áp dụng Luật Kế toán và Luật Kiểm toán độc lập đều đã được đưa vào sửa đổi, bổ sung tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính nên đã tháo gỡ được các điểm nghẽn lớn phát sinh trong thực tiễn. Vì vậy, các nội dung khác tại Luật Kế toán và Luật Kiểm toán độc lập mà không liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh

doanh và thủ tục hành chính sẽ không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật lần này.

Nội dung dự thảo Luật hiện nay được xây dựng trên cơ sở quy định tại các Nghị quyết nêu trên của Chính phủ và quá trình tổng hợp ý kiến tham gia về dự án Luật, đa số các ý kiến đều nhất trí với phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kế toán, dịch vụ kiểm toán tại dự án Luật. Một số nội dung chính của dự án Luật, Chính phủ xin báo cáo Quốc hội như sau:

a) Đối với lĩnh vực dịch vụ kế toán

Luật Kế toán 2015 quy định các cá nhân, tổ chức muốn kinh doanh dịch vụ kế toán sẽ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và thực hiện các thủ tục hành chính chặt chẽ khi đề nghị cấp giấy phép hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán (ví dụ cá nhân phải hành nghề dịch vụ kế toán trong doanh nghiệp, người hành nghề dịch vụ kế toán phải có chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên, mỗi doanh nghiệp dịch vụ kế toán phải có ít nhất 2 kế toán viên hành nghề,...). Do đó, mặc dù Việt Nam hiện có khoảng 2.500 người có chứng chỉ kế toán viên nhưng mới chỉ có khoảng 525 cá nhân hành nghề kế toán tại 191 đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán và các kiểm toán viên hành nghề tại 118 công ty kiểm toán có thực hiện cung cấp dịch vụ kế toán. Trong khi đó, Việt Nam hiện có gần 1,1 triệu doanh nghiệp trong đó khoảng 98% là doanh nghiệp nhỏ và vừa, siêu nhỏ, chưa kể đến các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và đơn vị kế toán công cũng có nhu cầu thuê dịch vụ kế toán. Số liệu thống kê cho thấy số lượng đơn vị thuê dịch vụ kế toán hàng năm hiện khoảng 12.500 khách hàng và một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán cho khoảng 65 khách hàng/năm. Chi phí thuê dịch vụ kế toán của một doanh nghiệp khoảng 80 triệu đồng/khách hàng/năm (khoảng 6-7 triệu đồng/doanh nghiệp/tháng). Như vậy, số lượng kế toán viên, đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu thuê dịch vụ kế toán của các đơn vị trong nền kinh tế cũng như chưa khuyến khích được khoảng 2.000 người đã có chứng chỉ kế toán viên tham gia hoạt động dịch vụ kế toán. Bên cạnh đó, do năng lực còn hạn chế nên hiện nay các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vẫn lúng túng khi thực hiện ghi chép sổ sách kế toán và với mức chi phí trung bình khoảng 6-7 triệu đồng/tháng như phí thuê dịch vụ kế toán của một doanh nghiệp thì sẽ dẫn đến khó khăn cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Theo đó, cần có những thay đổi về chính sách để mở rộng đối tượng cung cấp dịch vụ kế toán với tiêu chuẩn chuyên môn yêu cầu thấp hơn để cung cấp cho thị trường nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán, tránh rủi ro cho khách hàng.

Về thông lệ quốc tế, việc giám sát kinh doanh dịch vụ kế toán thường thông qua một trong các cơ chế như xác nhận năng lực, đăng ký truy vết chủ thể và giám sát chất lượng đối với dịch vụ kế toán cung cấp cho khách hàng. Ví dụ như

Vương quốc Anh không cấp giấy phép nhưng mọi chủ thể cung cấp dịch vụ kế toán, ghi sổ, tư vấn thuế bắt buộc đăng ký và chịu giám sát của cơ quan trực thuộc chính phủ Vương quốc Anh hoặc tổ chức nghề nghiệp; Indonesia hay Philippines thì kế toán viên hành nghề phải có giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký do Bộ trưởng Bộ Tài chính (Indonesia) hoặc cơ quan nhà nước (Philippines) cấp và hàng năm phải cập nhật kiến thức;...

Theo đó, trên cơ sở quy định tại các Nghị quyết số 66.17 và Nghị quyết số 66.18 và Luật số 24/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, dự án Luật xây dựng theo hướng dịch vụ kế toán không còn là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, kèm theo cắt giảm toàn bộ thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Đồng thời, trên cơ sở Thông báo Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) và Báo cáo của Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính (Thường trực UBKTTC), để góp phần mở rộng đối tượng được cung cấp dịch vụ kế toán nhưng phải đảm bảo phân tầng năng lực theo tính chất và mức độ rủi ro khác nhau, thúc đẩy thị trường dịch vụ kế toán phát triển bền vững và hiệu quả nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán để tránh đẩy rủi ro cho khách hàng, Chính phủ báo cáo một số nội dung về mô hình hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại dự án Luật như sau:

- Về mô hình hoạt động dịch vụ kế toán tại dự án Luật

Theo quy định tại Luật Kế toán, các kế toán viên hành nghề (là người được cấp giấy phép hành nghề dịch vụ kế toán) không được hoạt động dịch vụ kế toán dưới danh nghĩa cá nhân mà chỉ được hành nghề kế toán tại một tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán (thông qua làm việc tại các doanh nghiệp dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán, chi nhánh doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam).

Tuy nhiên, theo dự án Luật, một cá nhân có thể kinh doanh dịch vụ kế toán cho khách hàng thông qua một tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán (cá nhân làm việc tại một tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán để thực hiện hoạt động dịch vụ kế toán) nhưng cũng không hạn chế cá nhân đó được ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng để cung cấp dịch vụ kế toán. Định hướng này của dự thảo Luật hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật lao động hiện hành là một cá nhân có thể ký hợp đồng lao động với nhiều cơ quan, đơn vị để làm việc.

Ngoài ra, dự án Luật không còn quy định hay giới hạn về loại hình doanh nghiệp dịch vụ kế toán nên ngoài các loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật Kế toán hiện hành (doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH hai thành viên trở lên, hộ kinh doanh, chi nhánh doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam) thì các loại hình doanh nghiệp khác (công ty TNHH một thành viên, công ty cổ phần,...) cũng có thể được cung cấp dịch vụ kế toán. Như vậy, với mô hình của dự thảo Luật, ngoài các cá nhân còn có thể có thêm nhiều tổ chức cũng được cung cấp dịch vụ kế toán nên đối tượng cung cấp dịch vụ kế

toán sẽ được mở rộng hơn so với trước đây, đáp ứng nhu cầu của thị trường và các đơn vị thuê dịch vụ kế toán sẽ có thêm nhiều lựa chọn, tạo thuận lợi cho công tác kế toán của các đơn vị.

Mô hình hoạt động dịch vụ kế toán tại dự án Luật hiện nay tạo sự linh hoạt cho cá nhân cung cấp dịch vụ kế toán, đáp ứng nhu cầu đa dạng, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của từng nhóm đối tượng khách hàng. Theo đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể ký hợp đồng thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán còn các doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh có thể ký hợp đồng thuê các cá nhân cung cấp dịch vụ kế toán,...

- Yêu cầu về tiêu chuẩn đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán

Nghị quyết số 66.18 đã cắt giảm toàn bộ điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực dịch vụ kế toán và không quy định tiêu chuẩn của người cung cấp dịch vụ kế toán phải có chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ kiểm toán viên. Tuy nhiên, kế toán là ngành, nghề có tính chuyên môn kỹ thuật sâu và tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật (khoản 8 Điều 1) đã sửa đổi Điều 57 Luật Kế toán theo hướng bổ sung chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán với tư cách là chứng nhận tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán và quy định rõ tiêu chuẩn của cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên báo cáo tài chính của khách hàng, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ làm kế toán trưởng để đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán, có sự phân tầng năng lực và trách nhiệm cụ thể, không quy định chung, đồng nhất giữa các loại hình dịch vụ có mức độ rủi ro khác nhau, tránh đẩy rủi ro cho khách hàng, cụ thể như sau:

“1. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của người làm kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này.

2. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên báo cáo tài chính của khách hàng phải có đủ tiêu chuẩn của người làm kế toán quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này và có tiêu chuẩn chuyên môn sau:

a) Đạt yêu cầu năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán và được cấp chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ làm kế toán trưởng phải đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này, có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng và có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm.”.

Như vậy, với quy định như trên, đối tượng cung cấp dịch vụ kế toán được mở rộng hơn so với trước đây nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng dịch vụ, đảm bảo được sự phân tầng năng lực theo tính chất và mức độ rủi ro khác nhau của dịch vụ. Thực tế hiện nay, đối tượng thuê dịch vụ kế toán chủ yếu là hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Các doanh nghiệp niêm yết, doanh nghiệp có lợi ích công chúng, đơn vị công thường có tổ chức bộ máy kế toán riêng và thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan (công ty niêm yết, doanh nghiệp có lợi ích công chúng thực hiện theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp; đơn vị công thực hiện theo quy định của Luật NSNN và pháp luật chuyên ngành). Do đó, dự thảo Luật xây dựng theo hướng việc phân tầng năng lực theo các loại hình dịch vụ của kinh doanh dịch vụ kế toán (dịch vụ ký báo cáo tài chính, dịch vụ kế toán trưởng,...), không phân tầng rủi ro theo đối tượng khách hàng do từng loại hình khách hàng sẽ chịu sự chi phối của pháp luật chuyên ngành riêng.

Bên cạnh đó, để đảm bảo duy trì chất lượng dịch vụ kế toán, dự án Luật giữ lại (không bãi bỏ) quy định yêu cầu cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán phải có trách nhiệm cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

Về phía Tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, việc mở rộng đối tượng được cung cấp dịch vụ kế toán tại dự án Luật cũng là cơ hội để Tổ chức nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán quảng bá, mở rộng mạng lưới hội viên, nâng cao năng lực cho Hội thông qua các hoạt động đào tạo, cập nhật kiến thức để giúp hội viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hoặc hỗ trợ, tư vấn, giám sát đạo đức nghề nghiệp của hội viên để tránh các sai sót, vi phạm,... trong quá trình cung cấp dịch vụ kế toán cho khách hàng.

- Về trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong kinh doanh dịch vụ kế toán và về việc bảo vệ lợi ích của các đơn vị thuê dịch vụ

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật đã quy định tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán để đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ, tránh rủi ro cho khách hàng nhưng vẫn có sự phân tầng năng lực theo tính chất và mức độ rủi ro. Bên cạnh đó, dự thảo Luật đã có sự phân biệt trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong kinh doanh dịch vụ kế toán, trong đó quy định rõ người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác kế toán của đơn vị mình, kể cả trường hợp thuê dịch vụ kế toán.

Đồng thời, dự thảo Luật đã bổ sung vào Điều 67 Luật Kế toán nội dung quy định các cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán dưới hình thức là cá nhân độc lập trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước khách hàng về chất lượng dịch vụ kế toán mà mình cung cấp theo phạm vi hợp đồng đã ký kết. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán thì phải chịu trách nhiệm trước tổ chức đó và thực hiện bồi thường (nếu có) theo hợp đồng lao động đã ký kết với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán còn tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước khách hàng về tiêu chuẩn cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cũng như chất lượng dịch vụ kế toán mà mình cung cấp theo phạm vi hợp

đồng đã ký kết. Do đó, nếu chất lượng dịch vụ kế toán của cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ không đảm bảo dẫn đến thiệt hại cho đơn vị thuê dịch vụ thì đơn vị thuê dịch vụ có quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán bồi thường theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật.

- Về phương thức quản lý nhà nước đối với dịch vụ kế toán

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật đã hoàn thiện theo hướng:

- Giữ lại quy định kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm đ khoản 2 Điều 71 Luật Kế toán đối với các cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán;

- Sửa lại quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại điểm d, đ khoản 2 Điều 71 Luật Kế toán như sau:

“d) Quy định quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán bao gồm: việc thi, cấp, thu hồi và quản lý chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán; cập nhật kiến thức cho cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán; các nội dung trọng yếu của hợp đồng dịch vụ kế toán; quản lý, kiểm tra, giám sát, công khai thông tin hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán;

đ) Kiểm tra kế toán; giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán;”

- Về quy định chuyển tiếp đối với những người đã được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kế toán trước ngày 01/03/2027 và hiệu lực thi hành Luật

Nghị quyết số 66.18 đã bãi bỏ điều kiện quy định một cá nhân phải có chứng chỉ kế toán viên hoặc chứng chỉ hành nghề kế toán mới được đăng ký để hành nghề dịch vụ kế toán đồng thời bổ sung quy định chuyển tiếp như sau:

“2. Những người có chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11 và những người có chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15) được dự thi để lấy chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Bộ Tài chính.”

Đồng thời quy định điều khoản thi hành như sau:

“Chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11, chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15) và chứng chỉ kiểm toán viên theo Luật Kiểm toán độc lập có giá trị như chứng chỉ năng lực

kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Luật này.”

Như vậy, quy định chuyển tiếp nêu trên cần phải được tiếp tục đưa vào dự thảo Luật nhằm đảm bảo quyền lợi cho những người đã được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ kế toán viên, chứng chỉ hành nghề kế toán trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 (được dự thi để lấy chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định). Đồng thời, chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11, chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15) và chứng chỉ kiểm toán viên theo Luật Kiểm toán độc lập có giá trị như chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán chuẩn đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên Báo cáo tài chính quy định tại Luật này.

Các Nghị quyết số 66.7, Nghị quyết số 66.17 và Nghị quyết số 66.18 đều có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027 đồng thời tại Điều 7 Nghị quyết số 66.7 và Điều 5 Nghị quyết số 66.18 quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh ***bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.***

Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật đã hoàn thiện lại theo hướng quy định hiệu lực thi hành của dự án Luật từ ngày 01 tháng 03 năm 2027 để đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 66.7 và Nghị quyết số 66.18 nêu trên, không tạo khoảng trống pháp lý mà vẫn đảm bảo được sự thống nhất, đồng bộ về hiệu lực thi hành của các văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đối với lĩnh vực dịch vụ kiểm toán

- Về điều kiện, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập hiện hành, chỉ có các doanh nghiệp thuộc 1 trong 3 loại hình doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân mới được cung cấp dịch vụ kiểm toán. Theo đó, để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán thì các doanh nghiệp này phải chứng minh rằng đã được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Do đó, luật quy định khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân phải ***“có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật”***.

Hiện nay, nhiều loại giấy tờ, thông tin đã có thể khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành nên không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp cung cấp khi nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính. Điều này phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 27/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính (Quyết định số 1848/QĐ-TTg) nhằm tiết kiệm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện nhất là trên môi trường điện tử. Theo đó, cần cắt giảm điều kiện về các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư đối với các doanh nghiệp khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán. Cùng với đó cũng cần bãi bỏ các thành phần hồ sơ liên quan hiện đang quy định tại Luật Kiểm toán độc lập để đơn giản hóa thủ tục hành chính khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

- Về thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập hiện hành, thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính được quy định như sau: “*Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam*” và “*Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán*”.

Qua rà soát, Chính phủ thấy rằng cần thiết cắt giảm thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán. Theo đó đã sửa dự án Luật theo hướng giảm trên 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán. Thực tế triển khai giải quyết thủ tục hành chính này tại Bộ Tài chính cũng không sử dụng hết số thời gian tối đa theo quy định hiện hành.

Việc sửa đổi nội dung nêu trên tại dự án Luật cũng phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”, trong đó yêu cầu phải rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

3. Về việc xây dựng dự án Luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về một trong các trường hợp được xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

“b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn;

...

d) Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

Điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật quy định “1. *Khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật được xử lý theo các phương án sau đây:...* b) *Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để quy định vấn đề mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định hiện hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*” (Nghị quyết số 206).

Như vậy, căn cứ vào các quy định nêu trên, việc xây dựng, ban hành dự án Luật theo trình tự, thủ tục rút gọn là có cơ sở pháp lý và thực sự cần thiết vì:

- Quy trình xây dựng dự án Luật thuộc trường hợp được áp dụng quy định tại Nghị quyết số 206.

- Việc cho phép dự án Luật được xây dựng theo trình tự thủ tục rút gọn nhằm giải quyết sớm vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn, đó là cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”.

- Việc cho phép dự án Luật được ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn sẽ giúp đáp ứng được yêu cầu sửa đổi ngay các văn bản quy phạm pháp luật mới về kế toán, kiểm toán độc lập phù hợp với các Nghị quyết nêu trên của Quốc hội và Chính phủ nhằm tránh tạo khoảng trống pháp lý. Hiện nay, ngoài dự án Luật, Chính phủ còn phải ban hành Nghị định hoặc Bộ Tài chính ban hành Thông tư theo thẩm quyền liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ kế toán, kiểm toán. Đặc biệt, khi các Nghị quyết số 66.7, Nghị quyết số 66.16, Nghị quyết số 66.17 và Nghị quyết số 66.18 chỉ có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28/2/2027 thì Luật và các văn bản hướng dẫn Luật đều phải có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2027 để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật (dự thảo Nghị định và Thông tư trình kèm theo).

Bên cạnh đó, ngày 15/9/2026, tại Kết luận số 247/KL-UBTVQH16 của UBTVQH đã cơ bản tán thành sự cần thiết ban hành Luật nhằm thể chế hóa chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; thống nhất trình Quốc hội xem xét, thông qua Dự án Luật tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI theo trình tự, thủ tục rút gọn. Đồng thời, UBTVQH đã giao Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan hoàn thiện các thủ tục để bố trí dự án Luật vào Chương trình Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

- Đáp ứng chủ trương đẩy mạnh việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ, góp phần tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.
- Tháo gỡ những điểm nghẽn do cơ chế, quy định của pháp luật; bảo đảm tính ổn định và lâu dài, sự đồng bộ và thống nhất trong hệ thống pháp luật.
- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong đó có lĩnh vực dịch vụ kế toán, kiểm toán; hoàn thiện quy định nhằm đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.
- Mở rộng đối tượng được cung cấp dịch vụ kế toán, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế, góp phần khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán hiệu quả, bền vững và phù hợp với thông lệ quốc tế.
- Phù hợp với chủ trương xây dựng một Luật sửa đổi, bổ sung nhiều Luật vì có cùng nội dung về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Trên cơ sở Nghị quyết số 206 của Quốc hội và các Nghị quyết số 66.7, Nghị quyết số 66.16, Nghị quyết số 66.17, Nghị quyết số 66.18 nêu trên, Chính phủ đã nghiên cứu, triển khai xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập nội dung về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo trình tự, thủ tục rút gọn, đảm bảo tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể như sau:

Ngày 11/6/2026, Bộ Tài chính đã có văn bản số 7936/BTC-QLKT gửi các Bộ, ngành, các Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, Mặt trận Tổ

quốc, các công ty dịch vụ kế toán và công ty kiểm toán,... để xin ý kiến về dự án Luật và đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng pháp luật Quốc gia. Đến ngày 30/6/2026, Bộ Tài chính nhận được 22 ý kiến tham gia. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, Bộ Tài chính đã tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến tham gia của các đơn vị, hoàn thiện dự án Luật và đăng tải Bảng tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của các đơn vị trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đã tổ chức hội thảo để trao đổi, xin ý kiến về dự án Luật tại Hà Nội (ngày 02/7/2026) và tại TP. Hồ Chí Minh (ngày 03/7/2026) với đại biểu là các công ty dịch vụ kế toán, công ty kiểm toán, các Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán, cơ sở đào tạo,....

Ngày 02/7/2026, Bộ Tài chính đã có văn bản số 9322/BTC-QLKT ngày 02/7/2026 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự án Luật.

Ngày 10/7/2026, Bộ Tài chính đã nhận được Báo cáo thẩm định số 384/BCTĐ-BTP ngày 9/7/2026 của Bộ Tư pháp về dự án Luật.

Ngày 15/7/2026, Bộ Tài chính đã có văn bản số 10176/BTC-QLKT ngày 15/7/2026 gửi Bộ Tư pháp về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự án Luật.

Ngày 23/7/2026, Bộ Tài chính đã nhận được văn bản số 5587/BTP-PLDSKT ngày 22/7/2026 của Bộ Tư pháp về việc rà soát nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự án Luật và Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu toàn bộ các ý kiến của Bộ Tư pháp để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật.

Ngày 03/8/2026, Bộ Tài chính đã có Tờ trình số 588/TTr-BTC báo cáo Chính phủ về hồ sơ dự án Luật.

Ngày 20/8/2026, Chính phủ đã có Nghị quyết số 247/NQ-CP phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2026 (Phiên thứ nhất) trong đó cơ bản thống nhất về sự cần thiết sớm ban hành dự án Luật và nghị quyết giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến đối với dự án Luật này để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026).

Ngày 21/8/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình số 589/TTr-CP trình UBTVQH dự án Luật.

Ngày 27/8/2026, Thường trực UBKTTC đã tổ chức Phiên họp thẩm tra sơ bộ dự án Luật.

Ngày 31/8/2026, Thường trực UBKTTC đã có Báo cáo thẩm tra sơ bộ số 1094/BC-UBKTTC16 về dự án Luật.

Tại phiên họp lần thứ 06 ngày 3/9/2026, UBTVQH đã cho ý kiến về dự án Luật. Ngày 15/9/2026, UBTVQH có Kết luận số 247/KL-UBTVQH16 về dự án Luật.

Ngày 01/10/2026, Chính phủ đã có Nghị quyết số 307/NQ-CP về việc tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập trong đó nghị quyết giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội và Báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của UBTVQH và ý kiến thẩm tra sơ bộ của UBKTTC về dự án Luật tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026).

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật và các tài liệu có liên quan để trình Quốc hội.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Đối với Luật Kế toán

- Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật về cơ bản vẫn giữ nguyên như quy định tại Điều 1 Luật Kế toán, bao gồm các nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.

- Đối tượng áp dụng

Về cơ bản, theo mô hình quản lý hoạt động dịch vụ kế toán tại dự thảo Luật, không còn cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho cá nhân để được hành nghề dịch vụ kế toán nên dự thảo Luật bỏ thuật ngữ “*kế toán viên hành nghề*” tại khoản 11 Điều 3 Luật Kế toán và đối tượng áp dụng Luật tại khoản 8 Điều 2 sẽ không sử dụng cụm từ “*Kế toán viên hành nghề*” nhưng cần thay thế bằng cụm từ “*cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán*” để đảm bảo rõ ràng, bao quát được đầy đủ đối tượng áp dụng Luật.

b) Đối với Luật Kiểm toán độc lập

- Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của Luật giữ nguyên như quy định tại Điều 1 Luật Kiểm toán độc lập, bao gồm các nội dung quy định nguyên tắc, điều kiện, phạm vi, hình thức hoạt động kiểm toán độc lập; quyền, nghĩa vụ của kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam và đơn vị được kiểm toán.

- Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật giữ nguyên như quy định tại Điều 2 Luật Kiểm toán độc lập, bao gồm kiểm toán viên, kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, đơn vị được kiểm toán, tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm toán độc lập.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật gồm 3 Điều:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Kế toán.

Điều 2: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản, điểm của Luật Kiểm toán độc lập.

Điều 3: Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

a) Đối với Luật Kế toán

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Dự thảo Luật đã cắt giảm toàn bộ điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính đối với hoạt động dịch vụ kế toán, hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Nghị quyết số 66.17 và Nghị quyết số 66.18. Cụ thể như sau:

+ Các nội dung cắt giảm điều kiện hành nghề và điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán

Dự thảo Luật đã cắt giảm toàn bộ các quy định về điều kiện hành nghề kế toán đối với kế toán viên hành nghề và điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán (công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán, chi nhánh doanh nghiệp dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam).

+ Các nội dung cắt giảm thủ tục hành chính liên quan đến kinh doanh dịch vụ kế toán

Dự thảo Luật đã cắt giảm toàn bộ các quy định về hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; thời hạn cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán; phí cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cho các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

+ Bãi bỏ các nội dung khác cho thống nhất với những nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực dịch vụ kế toán

Trên cơ sở quy định tại Nghị quyết số 66.18, dự thảo Luật cũng bãi bỏ các nội dung quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo; thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch

vụ kế toán;... cho thống nhất và phù hợp với các nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực dịch vụ kế toán nêu trên.

- Các nội dung lược bỏ

+ Để đảm bảo phù hợp với nội dung cắt giảm toàn bộ điều kiện hành nghề và điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán: Dự thảo Luật đã bãi bỏ toàn bộ quy định tại các Điều 58, Điều 60, Điều 65 Luật Kế toán.

+ Để đảm bảo phù hợp với nội dung cắt giảm toàn bộ thủ tục hành chính liên quan đến dịch vụ kế toán: Dự thảo Luật đã bãi bỏ toàn bộ thủ tục hành chính quy định tại các Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64 Luật Kế toán.

- Để thống nhất và phù hợp với những nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực dịch vụ kế toán theo quy định tại Nghị quyết số 66.18: Dự thảo Luật cũng đã bãi bỏ các quy định liên quan khác tại các khoản 11, 12, 13 Điều 13; Điều 66; Điều 70a; điểm c, e khoản 2 Điều 71; khoản 3 Điều 73 Luật Kế toán.

- Các nội dung bổ sung

Toàn bộ các nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính trong lĩnh vực dịch vụ kế toán và những nội dung khác liên quan tại dự thảo Luật về cơ bản đã tuân thủ quy định tại các Nghị quyết số 66.17 và Nghị quyết số 66.18. Tuy nhiên, Chính phủ đã rà soát lại cách thức quy định đối tượng áp dụng và thống nhất sử dụng thuật ngữ để đảm bảo rõ ràng, đầy đủ đối tượng áp dụng Luật và tránh gây nhầm lẫn, tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật đã bổ sung thêm 02 thuật ngữ sau đây:

+ Bổ sung thuật ngữ “*cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán*” vào khoản 19 Điều 3 Luật Kế toán, thay thế cho cụm từ “*kế toán viên hành nghề*” để phân biệt được rõ ràng giữa người làm kế toán là người lao động của đơn vị kế toán với cá nhân cung cấp dịch vụ kế toán là người làm kế toán theo hợp đồng cung cấp dịch vụ kế toán với khách hàng hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán. Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của UBTWQH, dự án Luật đã hoàn thiện theo hướng tách “*hộ kinh doanh*” ra khỏi tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán và gộp vào “*cá nhân cung cấp dịch vụ kế toán*” cho phù hợp với chủ thể quan hệ pháp luật dân sự và để tránh gây vướng mắc khi xác định trách nhiệm tài sản, đặc biệt là khi hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân.

+ Bổ sung thuật ngữ “*tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán*” vào khoản 20 Điều 3 Luật Kế toán thay thế cho các cụm từ khác nhau nhưng có nội dung tương tự trong các điều, khoản khác của Luật Kế toán (ví dụ cụm từ *doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán*, ...) để đảm bảo tính thống nhất.

- Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện

+ Về sửa đổi, hoàn thiện quy định về đối tượng áp dụng Luật theo hướng tách cụm từ “cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán” ra khỏi thuật ngữ “người làm kế toán”

Dự án Luật đã sửa đổi cách thức quy định đối tượng áp dụng Luật để đảm bảo rõ ràng, đầy đủ đối tượng đồng thời để tránh gây nhầm lẫn, dự thảo Luật cũng đã sắp xếp lại nội dung tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật theo hướng đối với khoản 7 Điều 2 Luật Kế toán sẽ chỉ quy định đối tượng áp dụng là “người làm kế toán” và tách đối tượng “cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán” tại khoản 7 gộp sang khoản 8 Điều 2 Luật Kế toán. Như vậy, khoản 8 Điều 2 Luật Kế toán sẽ bao gồm “Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán (sau đây gọi tắt là cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán).

Đồng thời theo đó, dự án Luật sẽ sử dụng thống nhất cụm từ “cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán” để thay thế cho những cụm từ có nội dung tương tự tại khoản 2 Điều 7, khoản 14 Điều 13, khoản 1 Điều 50, khoản 1, khoản 5 Điều 56, phần tiêu đề của Điều 67, Điều 68 Luật Kế toán; sử dụng cụm từ “làm kế toán” thay cho cụm từ “hành nghề kế toán” tại khoản 2 Điều 52 Luật Kế toán; sử dụng cụm từ “cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán” thay cho cụm từ “kế toán viên hành nghề” tại khoản 2 Điều 70 của Luật Kế toán.

+ Sửa đổi quy định về tiêu chuẩn đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán

Nghị quyết số 66.18 đã bãi bỏ Điều 57 Luật Kế toán với mục đích là không quy định chứng chỉ kế toán viên là điều kiện để đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật hoàn thiện Điều 57 theo hướng bổ sung chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán với tư cách là chứng nhận tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán để đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán, có sự phân tầng năng lực và trách nhiệm cụ thể, không quy định chung, đồng nhất giữa các loại hình dịch vụ có mức độ rủi ro khác nhau, tránh đẩy rủi ro cho khách hàng. Theo đó, đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán để thực hiện các dịch vụ khác như dịch vụ làm kế toán nhưng không ký báo cáo tài chính cho khách hàng thì phải đảm bảo tiêu chuẩn của người làm kế toán. Đồng thời, để được ký tên trên Báo cáo tài chính của khách hàng, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của người làm kế toán; đạt yêu cầu năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán và có chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính (do Báo cáo tài chính là tài liệu kế toán quan trọng phản ánh tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của đơn vị, để người sử dụng báo cáo tài chính như nhà đầu tư, chủ sở hữu, bên cho vay,... đưa ra các quyết định kinh tế).

Trường hợp cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ làm kế toán trưởng thì phải đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán

ký tên trên báo cáo tài chính của khách hàng đồng thời phải có chứng chỉ kế toán trưởng và có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm. Theo đó, cần sửa đổi, hoàn thiện quy định tại Điều 22 Nghị định 174/2016/NĐ-CP cho phù hợp và chặt chẽ.

Quy định này đảm bảo sự phân tầng năng lực theo loại hình có mức độ rủi ro khác nhau của dịch vụ, tránh đẩy rủi ro cho khách hàng.

+ Sửa đổi quy định về cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam của các cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán nước ngoài

Nghị quyết số 66.18 đã bãi bỏ khoản 1, 2, 3 và điểm a, b khoản 4 Điều 59 Luật Kế toán với mục đích là không còn giới hạn về loại hình doanh nghiệp được kinh doanh dịch vụ kế toán (kể cả doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài), giúp mở rộng đối tượng được cung cấp dịch vụ kế toán, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, sau khi bãi bỏ các nội dung này tại Nghị quyết số 66.18 thì Điều 59 Luật Kế toán chưa có sự thống nhất giữa nội dung và tên Điều. Đồng thời, có thể dẫn đến hiểu nhầm là doanh nghiệp nước ngoài **chỉ được** cung cấp dịch vụ kế toán tại Việt Nam dưới hình thức là cung cấp dịch vụ qua biên giới mà không được thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh tại Việt Nam, từ đó tạo ra sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài.

Ngoài ra, theo thông lệ và cam kết quốc tế, việc cá nhân, tổ chức Việt Nam cung cấp dịch vụ kế toán ra nước ngoài phải tuân thủ theo pháp luật của nước sở tại còn cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam sẽ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam nên Điều 59 chỉ điều chỉnh cho trường hợp cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam.

Vì vậy, để đảm bảo rõ ràng, tránh nhầm lẫn và thống nhất về thuật ngữ cũng như thống nhất giữa nội dung và tên Điều, dự thảo Luật đã sửa lại tên Điều 59 là “*Kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam*” và Chính phủ sẽ quy định chi tiết các nội dung về cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới **vào Việt Nam** của các cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán nước ngoài (thay cho cụm từ doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán). Cụ thể như sau:

“Điều 59. Kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam

1. *Kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam là việc cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài được cung cấp dịch vụ kế toán cho các đơn vị kế toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Việt Nam khi không có sự hiện diện thương mại tại Việt Nam.*

2. *Chính phủ quy định chi tiết về:*

a) *Đối tượng được kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam;*

- b) *Phương thức kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam;*
- c) *Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam;*
- d) *Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam có tham gia liên danh với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài để kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam.*”

+ Về sửa đổi, hoàn thiện quy định về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán

Dự thảo Luật vẫn giữ lại quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 67 Luật Kế toán vì đây là nội dung cần thiết, quy định về trách nhiệm mà các cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán phải tuân thủ trong quá trình cung cấp dịch vụ kế toán cho khách hàng, nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán và quyền lợi cho bên thuê dịch vụ. Các nội dung này hoàn toàn không phải là điều kiện để cấp giấy phép hay điều kiện để được kinh doanh dịch vụ kế toán.

Đồng thời, tiếp thu ý kiến của UBTVQH, để làm rõ trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong cung cấp dịch vụ kế toán như phân biệt trách nhiệm của cá nhân kinh doanh dịch vụ độc lập với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán, dự thảo Luật đã sửa đổi, hoàn thiện khoản 3 Điều 67 Luật Kế toán về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán theo hướng như sau:

“3. Chịu trách nhiệm trước khách hàng và trước pháp luật về nội dung dịch vụ kế toán đã cung cấp và phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật:

a) Cá nhân hoặc hộ kinh doanh trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước khách hàng về chất lượng dịch vụ kế toán mà mình cung cấp theo phạm vi hợp đồng đã ký kết. Trường hợp nếu phát sinh nghĩa vụ bồi thường thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật dân sự.

b) Tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ký hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước khách hàng về tiêu chuẩn cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cũng như chất lượng dịch vụ kế toán mà mình cung cấp theo phạm vi hợp đồng đã ký kết. Trường hợp nếu phát sinh nghĩa vụ bồi thường thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật dân sự.

Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán phải chịu trách nhiệm trước tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán và thực hiện bồi thường (nếu có) theo hợp đồng lao động đã ký kết với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.”

Về sửa đổi, bổ sung khoản 4, 5 Điều 67 Luật Kế toán: Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, để đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán, tránh đầy rẫy rủi ro cho khách hàng, dự thảo Luật đã giữ lại quy định cá nhân tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán có trách nhiệm thực hiện cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và giữ lại quy định kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.

Về sửa đổi khoản 6 Điều 67 Luật Kế toán theo hướng bãi bỏ quy định về trách nhiệm “*Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ*” và thay bằng quy định “*Khai báo, cập nhật thông tin về kinh doanh dịch vụ kế toán để xây dựng cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.*”:

Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán sẽ không phải đăng ký với Bộ Tài chính để kinh doanh dịch vụ kế toán. Tuy nhiên để Bộ Tài chính có cơ sở dữ liệu phục vụ cho các đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ kế toán lựa chọn, phục vụ cho công tác thống kê,... thì cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán cần có trách nhiệm khai báo, cập nhật thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính. Cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán định kỳ được Bộ Tài chính đăng tải công khai theo quy định.

Đối với quy định bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: Chính phủ đề xuất bãi bỏ quy định bắt buộc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tại dự thảo Luật vì Luật Kế toán năm 2015 đã có quy định này nhưng thực tiễn cho thấy quy định này không khả thi do kinh doanh dịch vụ kế toán không phải dịch vụ bảo đảm nên các cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán trong thực tế rất khó mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp. Thay vào đó, dự án Luật bổ sung các quy định cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên Báo cáo tài chính của khách hàng thì phải đảm bảo tiêu chuẩn chuyên môn là có chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thiểu phát sinh trường hợp phải bồi thường cho khách hàng. Đồng thời, nếu phát sinh nghĩa vụ bồi thường cho khách hàng thì phải thực hiện theo điều khoản của hợp đồng dịch vụ kế toán và pháp luật dân sự.

+ Về sửa đổi, hoàn thiện quy định về các trường hợp không được cung cấp dịch vụ kế toán

Để phù hợp với quy định tại Điều 57, Điều 68 sửa đổi theo hướng chia thành hai nhóm đối tượng như sau: Khoản 1 Điều 68 quy định về các trường hợp cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán còn khoản 2 Điều 68 quy định về các trường hợp cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng.

Đối với các trường hợp cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán: Để phù hợp với quy định tại Điều 57 Luật này, tại

khoản 11 Điều 1 dự thảo Luật đã sửa đổi, hoàn thiện khoản 3 Điều 68 Luật Kế toán như sau: *“Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật này.”*.

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự án Luật sẽ bãi bỏ khoản 2, khoản 4 và khoản 6 Điều 68 Luật Kế toán vì các trường hợp cụ thể đã được hướng dẫn tại chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

Riêng đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng, tiếp thu ý kiến của Thường trực UBKTTC, ngoài các trường hợp đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán thì cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cũng không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng khi không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật này và trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán.

+ Về hành vi nghiêm cấm thuê, mượn, cho thuê, cho mượn chứng chỉ kế toán viên

Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự án Luật không bãi bỏ mà sửa lại hành vi nghiêm cấm tại khoản 9 Điều 13 Luật Kế toán theo hướng nghiêm cấm *“Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn các loại chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán dưới mọi hình thức”* cho phù hợp với mô hình mới của Luật về bổ sung chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán với tư cách là chứng nhận tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán của cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán.

+ Về đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán có thời hạn đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán

Nghị quyết số 66.18 đã bỏ Điều 69 Luật Kế toán do đã bãi bỏ toàn bộ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và cắt giảm thủ tục hành chính. Theo đó, dự án Luật đã cắt giảm 100% điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính nên bỏ quy định liên quan đến thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật đã không bãi bỏ mà sửa lại Điều 69 Luật Kế toán về đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán có thời hạn đối với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo hướng như sau:

“Điều 69. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán có thời hạn khi:

a) Có sai phạm về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng.

b) Làm sai lệch hoặc thông đồng, móc nối để làm sai lệch tài liệu kế toán,

báo cáo tài chính và cung cấp thông tin, số liệu báo cáo sai sự thật.

c) Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn các loại chứng chỉ năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán dưới mọi hình thức.”

2. Bộ Tài chính quy định chi tiết về thời hạn đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.”

+ Về các điều khoản chuyển tiếp: Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, dự thảo Luật đã bổ sung quy định chuyển tiếp liên quan đến Nghị quyết số 66.18 như: Đối với các Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán đã cấp còn hiệu lực; Chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11, chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15) và chứng chỉ kiểm toán viên theo Luật Kiểm toán độc lập có giá trị như chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Luật này; quy định cá nhân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tại Điều 57 Luật này được kinh doanh dịch vụ kế toán mà không phải đăng ký và không phải nộp phí để được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi cung cấp dịch vụ; quy định nguyên tắc xử lý hành vi vi phạm hành chính về hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán phát sinh trước ngày Luật này có hiệu lực. Ngoài ra, rà soát các văn bản pháp luật liên quan, dự thảo Luật đã bổ sung vào điểm b khoản 2 Điều 3 nội dung “*Bãi bỏ phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13.*” để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

- Các nội dung phân cấp, phân quyền

Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, để đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán, tránh rủi ro cho khách hàng, dự án Luật đã bổ sung chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán, giữ lại yêu cầu cập nhật kiến thức đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán và trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán.

Theo đó, dự án Luật đã hoàn thiện lại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 71 Luật Kế toán theo hướng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ quy định về việc quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, bao gồm việc thi, cấp, thu hồi và quản lý chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán; cập nhật kiến thức cho cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán; các nội dung trọng yếu của hợp đồng dịch vụ kế toán; quản lý, kiểm tra, giám sát, công khai thông tin hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán. Đây là các

nhiệm vụ mà Luật Kế toán 2015 đã giao Bộ Tài chính thực hiện và việc thực hiện quy định này của Luật Kế toán trong thực tiễn vẫn đảm bảo hiệu quả và khả thi nên dự thảo Luật không sửa đổi, bổ sung thêm mà chỉ sắp xếp lại nội dung cho rõ ràng, thuận lợi cho việc xây dựng văn bản quy định chi tiết dự án Luật. Ngoài ra, trên cơ sở quy định tại Điều 34 và khoản 3,4 Điều 71 Luật Kế toán, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với UBND các địa phương để thực hiện kiểm tra kế toán đạt hiệu quả và đảm bảo tính khả thi, tránh trùng lặp đối tượng và đáp ứng yêu cầu về tăng cường nguyên tắc phân cấp, phân quyền.

- Các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết.

Dự thảo Luật không có vấn đề nào còn có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến của cấp có thẩm quyền nên không có kiến nghị phương án giải quyết.

b) Đối với Luật Kiểm toán độc lập

- Nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Nội dung cắt giảm này phù hợp với Quyết định số 1848/QĐ-TTg và Nghị quyết 66.7.

+ Các nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Bãi bỏ điều kiện “Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật” khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

+ Các nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến kinh doanh dịch vụ kiểm toán

Bãi bỏ hai thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;” và “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của các kiểm toán viên hành nghề.” khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán tại khoản 2, khoản 3 Điều 22 Luật Kiểm toán độc lập.

- Các nội dung lược bỏ:

+ Bãi bỏ điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 21 Luật Kiểm toán độc lập.

+ Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 22 Luật Kiểm toán độc lập.

- Các nội dung bổ sung: Không có

- Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 Luật Kiểm toán độc lập

Cắt giảm trên 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán: “Trong thời hạn **mười ngày**

làm việc ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24 Luật Kiểm toán độc lập

Cắt giảm trên 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán: “*Trong thời hạn năm ngày làm việc hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

- *Các nội dung phân quyền, phân cấp:* Không có.

- *Các vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết:*

Dự thảo Luật không có vấn đề nào còn có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến của cấp có thẩm quyền nên không có kiến nghị phương án giải quyết.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO LUẬT TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến kết luận của UBTVQH và ý kiến thẩm tra sơ bộ của Thường trực UBKTTC, Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung một số quy định tại dự thảo Luật (so với dự thảo trình UBTVQH) cụ thể như sau:

1. Đối với Luật Kế toán

- Giữ lại cụm từ “*kinh doanh dịch vụ kế toán*” để đảm bảo thống nhất từ ngữ với pháp luật về phòng chống rửa tiền.

- Về tách chủ thể “*hộ kinh doanh*” ra khỏi thuật ngữ “*Tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán*” chuyển sang thuật ngữ “*cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán*” tại khoản 19 Điều 3 Luật Kế toán.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 13 Luật Kế toán về hành vi bị nghiêm cấm thuê, mượn, cho thuê, cho mượn *các loại chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán* dưới mọi hình thức.

- Bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Kế toán về người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác kế toán của đơn vị mình, kể cả trường hợp thuê dịch vụ kế toán.

- Bổ sung chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán với tư cách là chứng nhận tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán và sửa đổi lại Điều 57 về tiêu chuẩn của cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán để đảm bảo chất lượng dịch vụ kế toán, có sự phân tầng năng lực và trách nhiệm cụ thể,

không quy định chung, đồng nhất giữa các loại hình dịch vụ có mức độ rủi ro khác nhau, tránh đẩy rủi ro cho khách hàng, cụ thể như sau:

“Điều 57. Tiêu chuẩn đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của người làm kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này.

2. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên báo cáo tài chính của khách hàng phải có đủ tiêu chuẩn của người làm kế toán quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này và có tiêu chuẩn chuyên môn sau:

a) Đạt yêu cầu năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán và được cấp chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ làm kế toán trưởng phải đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này, có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng và có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm.”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 59 theo hướng quy định rõ về khái niệm kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam và các nội dung Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 67 Luật Kế toán về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán, trong đó bổ sung trách nhiệm pháp lý của các chủ thể trong hoạt động kinh doanh (trách nhiệm của cá nhân hoặc hộ kinh doanh trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng; trách nhiệm của tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán và trách nhiệm của cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán); trách nhiệm cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; tuân thủ kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán của Bộ Tài chính; Khai báo, cập nhật thông tin về kinh doanh dịch vụ kế toán để xây dựng cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 68 Luật Kế toán theo hướng như sau:

“Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán khi thuộc các trường hợp sau đây:

1. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán khi thuộc các trường hợp sau đây:

a) Là cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm quản lý, điều hành, kế toán trưởng của khách hàng, trừ trường hợp khách hàng là doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

b) Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật này;

c) Đơn vị kế toán yêu cầu thực hiện những công việc không đúng với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp hoặc không đúng với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, tài chính.

2. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng khi thuộc các trường hợp tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này và các trường hợp sau đây:

a) Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật này.

b) Trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán.”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 69 Luật Kế toán theo hướng các cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán có thời hạn khi:

+ Có hành vi sai phạm về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng;

+ Làm sai lệch hoặc thông đồng, móc nối để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính và cung cấp thông tin, số liệu báo cáo sai sự thật;

+ Cho thuê, mượn các loại chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán dưới mọi hình thức.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d, đ khoản 2 Điều 71 Luật Kế toán về trách nhiệm của Bộ Tài chính như sau:

“d) Quy định quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán bao gồm: việc thi, cấp, thu hồi và quản lý chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán; cập nhật kiến thức cho cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán; các nội dung trọng yếu của hợp đồng dịch vụ kế toán; quản lý, kiểm tra, giám sát, công khai thông tin hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán;

đ) Kiểm tra kế toán; giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán;”.

2. Đối với Luật Kiểm toán độc lập

Tiếp thu kết luận của UBTVQH, dự thảo Luật đã tiếp tục cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính so với dự thảo Luật trình UBTVQH theo Tờ trình số 589/TTr-CP của Chính phủ cụ thể như sau:

- Đối với thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán: từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc;

- Đối với thủ tục cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán: từ 10 ngày làm việc xuống còn 5 ngày làm việc;

3. Điều khoản thi hành

- Đối với Điều 3 dự thảo Luật về điều khoản thi hành, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính, dự thảo Luật được sửa đổi, bổ sung những nội dung sau:

+ Sửa đổi nội dung “1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 02 năm 2027.” thành “1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2027.” để không tạo khoảng trống pháp lý mà vẫn đảm bảo được sự thống nhất, đồng bộ về hiệu lực thi hành của các văn bản quy phạm pháp luật.

+ Bổ sung chuyển tiếp cho trường hợp đã được Bộ Tài chính cấp giấy phép hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng vẫn chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng để có cơ sở pháp lý cho các cá nhân, tổ chức thực hiện, cụ thể bổ sung nội dung sau:

“2. Đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán cho đến khi hết thời hạn.”

+ Bổ sung nội dung “3. Bãi bỏ phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13.” để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

+ Sửa đổi, bổ sung chuyển tiếp về giá trị của chứng chỉ hành nghề kế toán đã được Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11, chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và chứng chỉ kiểm toán viên theo Luật Kiểm toán độc lập, cụ thể như sau:

“4. Chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11, chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15) và người có chứng chỉ kiểm toán viên theo Luật Kiểm toán độc lập có giá trị như chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Luật này.”

+ Bổ sung quy định cá nhân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tại Điều 57 Luật này được kinh doanh dịch vụ kế toán mà không phải đăng ký và không phải nộp phí để được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi cung cấp dịch vụ để thuận tiện cho cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán thực hiện.

+ Bổ sung một khoản giao Chính phủ quy định chi tiết nguyên tắc xử lý hành vi vi phạm hành chính về hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán phát sinh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Khi dự thảo Luật được thông qua/ban hành sẽ không phát sinh thêm nguồn nhân lực và tài chính cũng như điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản do toàn bộ các thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đã được cắt giảm, còn một số điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập cũng được đơn giản hóa nên sẽ tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, theo quy định tại Điều 34, Điều 71 Luật Kế toán, cơ quan kiểm tra kế toán ngoài Bộ Tài chính còn có các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị cấp trên. Bên cạnh đó, các cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán phải có tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ phân tầng năng lực theo tính chất và mức độ rủi ro khác nhau và Bộ Tài chính vẫn chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán nên về cơ bản nguồn lực hậu kiểm vẫn bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Vì vậy, không có sự bỏ sót đối tượng được kiểm tra kế toán cũng như không phải buông lỏng quản lý nên về cơ bản sẽ không gây ra rủi ro.

Ngoài ra, việc cắt giảm các điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính, không thực hiện cấp giấy phép,... sẽ góp phần giảm khối lượng công việc cho cơ quan nhà nước để tập trung vào công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

Để công tác quản lý, giám sát, kiểm tra kế toán và hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán của các cơ quan có thẩm quyền đạt chất lượng tốt, đảm bảo tính khả thi thì cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan để phục vụ yêu cầu quản lý. Đồng thời, cần đẩy nhanh, đúng tiến độ việc xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu tập trung để tiếp nhận, lưu trữ hệ thống báo cáo tài chính của tất cả các đơn vị,... nhằm hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra kế toán tại các đơn vị kế toán, đặc biệt qua đó có thể phát hiện, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý, giám sát, kiểm tra về những trường hợp chất lượng dịch vụ kế toán không đảm bảo, từ đó có biện pháp xử lý phù hợp nhằm tăng cường tính hiệu quả và khả thi của dự án Luật khi áp dụng trong thực tiễn.

Chính phủ dự kiến trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026).

Trên đây là Tờ trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Chính phủ kính đề nghị Quốc hội xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Tài liệu kèm theo: (1) Tờ trình tóm tắt; (2) Dự thảo Luật; (3) Báo cáo Tiếp thu, giải trình ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Kinh tế và Tài chính đối với dự án Luật; (4) Báo cáo số 1094/BC-UBKTTTC16 ngày 31/8/2026 của Ủy ban Kinh tế và Tài chính về thẩm tra sơ bộ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập; (5) Kết luận số 247/KL-UBTVQH16 ngày 15/9/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập; (6) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Luật với Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập; (7) Dự Nghị định và dự thảo Thông tư về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập (8) Báo cáo số 618/BC-BTC ngày 3/8/2026 của Bộ Tài chính về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật; (9) Báo cáo thẩm định số 384/BCTĐ-BTP ngày 9/7/2026 đối với dự án Luật của Bộ Tư pháp; (10) Công văn số 5587/BTP-PLDSKT ngày 22/7/2026 của Bộ Tư pháp về rà soát nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự án Luật; (11) Báo cáo số 619/BC-BTC ngày 3/8/2026 của Bộ Tài chính về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật và Phụ lục đính kèm; (12) Báo cáo số 620/BC-BTC ngày 3/8/2026 của Bộ Tài chính về các nội dung dự kiến giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ về quy định chi tiết trong dự thảo Luật; (13) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách của dự thảo Luật; (14) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo Luật; (15) Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị đối với dự án Luật và kèm theo ý kiến tham gia của 22 đơn vị; (16) Nghị quyết số 247/NQ-CP ngày 20/8/2026 của Chính phủ; (17) Báo cáo số 675/BC-BTC ngày 17/8/2026 của Bộ Tài chính giải trình ý kiến thành viên Chính phủ về một số nội dung của dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập; (18) Nghị quyết số 307/NQ-CP ngày 01/10/2026 của Chính phủ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn Phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Công pháp luật quốc gia (để đăng tải);
- Công thông tin điện tử của Quốc hội (để đăng tải);
- VPCP: BTCN, các PCN,
- Các Vụ: PL, TH;
- Lưu: VT, KTTH (02b).

54

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**



Ngô Văn Tuấn